

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 585/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25-7-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Ân
2. Ông Phạm Văn Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Phan Mỹ Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 07 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1183/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 257/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 05 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 214/2023/QĐST-HNHGĐ ngày 26 tháng 06 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Kim S, sinh năm 1979

Địa chỉ: Nhà không số, tổ A Ấp C, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1979

Địa chỉ: C Ấp C, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 12 năm 2022 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim S trình bày:

Bà Đỗ Thị Kim S và ông Nguyễn Văn X quen biết và tiến đến hôn nhân năm 2001 và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06 quyển số 2001 do UBND xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/02/2001. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc. Đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường hay cự cãi nhau. Bà Đỗ Thị Kim S và ông Nguyễn Văn X đã không còn chung sống từ năm 2004 đến nay.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 10/10/2002, giới tính nữ; trẻ bị khuyết tật dạng TKTT- Trí tuệ, không có khả năng lao động và đang hưởng trợ giúp xã hội của UBND huyện B, hiện con chung đang sống chung với

bà Đỗ Thị Kim S. Khi ly hôn, bà Đỗ Thị Kim S xin được nuôi con chung và không yêu cầu ông Nguyễn Văn X cấp dưỡng nuôi con chung .

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn X đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và tham gia phiên toà nhưng ông Nguyễn Văn X vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim S có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt

Bị đơn ông Nguyễn Văn X đã được Toà án nhân dân huyện Bình Chánh triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh: Bà Phan Mỹ D, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Đỗ Thị Kim S nộp đơn khởi kiện xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn X. Ông Nguyễn Văn X cư trú tại số C Ấp C, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim S có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn X đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, không rõ lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự

[3] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06 quyền số 2001 do UBND xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/02/2001 thì hôn nhân giữa bà Đỗ Thị Kim S và ông Nguyễn Văn X là hợp pháp, theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Theo lời khai của bà Đỗ Thị Kim S và ông Nguyễn Văn X kết hôn và sống chung từ năm 2001, sinh sống tại xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, trong quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc nhưng sau đó có nhiều mâu thuẫn, không hạnh

phúc, thường xảy ra xung đột bất đồng, cãi vã nhau, bà Đỗ Thị Kim S và ông Nguyễn Văn X đã không sống chung từ năm 2004. Bà Đỗ Thị Kim S vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn X.

Ngày 27/02/2023 Toà án đã tiến hành xác minh cư trú với ông Nguyễn Văn X tại Công an xã Đ, huyện B và Công an trả lời, ông Nguyễn Văn X có hộ khẩu thường trú tại C Ấp C, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh và Toà án đã triệu tập đối với bị đơn ông Nguyễn Văn X, mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông Nguyễn Văn X vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản hồi về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim S, điều này chứng tỏ ông Nguyễn Văn X không có mong muốn đoàn tụ gia đình để cùng bà Đỗ Thị Kim S xây dựng một gia đình hạnh phúc, mâu thuẫn giữa bà Đỗ Thị Kim S và ông Nguyễn Văn X ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài.

Toà án đã ban hành Công văn số 867/TAHBC ngày 29/03/2023 về việc xác minh mâu thuẫn vợ chồng và gửi UBND xã Đ, huyện B và ngày 17/04/2023, UBND xã Đ có công văn trả lời: “.. Quá trình sống chung tại địa phương UBND xã không rõ mâu thuẫn của bà Đỗ Thị Kim S và ông Nguyễn Văn X, hiện nay bà Đỗ Thị Kim S không còn sống chung với ông Nguyễn Văn X1, về con chung trẻ Nguyễn Thanh T đang sinh sống cùng mẹ và trẻ Nguyễn Thanh T bị khiếm tật dạng TKTT-Trí tuệ và hiện hưởng trợ cấp hàng tháng..”.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xét yêu cầu xin ly hôn của bà Đỗ Thị Kim S đối với ông Nguyễn Văn X là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 10/10/2002, giới tính nữ; trẻ bị khuyết tật dạng TKTT- Trí tuệ, không có khả năng lao động và đang hưởng trợ giúp xã hội của UBND huyện B, hiện con chung đang sống chung với bà Đỗ Thị Kim S. Khi ly hôn, bà Đỗ Thị Kim S xin được nuôi con chung và không yêu cầu ông Nguyễn Văn X cấp dưỡng nuôi con chung .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin được nuôi con chung của bà Đỗ Thị Kim S là có cơ sở chấp nhận.

Giao trẻ Nguyễn Thanh T, sinh ngày 10/10/2002, giới tính nữ cho bà Đỗ Thị Kim S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của ông Nguyễn Văn X cho đến khi bà Đỗ Thị Kim S có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu được quy định

tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.4] Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do đó, Hội đồng xét xử cũng không đặt ra để giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Đỗ Thị Kim S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đỗ Thị Kim S với ông Nguyễn Văn X về việc việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

2. Bà Đỗ Thị Kim S được ly hôn với ông Nguyễn Văn X.

Giấy chứng nhận kết hôn số 06 quyển số 2001 do UBND xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/02/2001 không còn giá trị pháp lý.

3. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Tuyết N, sinh ngày 13/06/2012, giới tính nữ; trẻ bị khuyết tật dạng TKTT- Trí tuệ, không có khả năng lao động và đang hưởng trợ giúp xã hội của UBND huyện B, hiện con chung đang sống chung với bà Đỗ Thị Kim S.

Giao trẻ Nguyễn Thanh T, sinh ngày 10/10/2002, giới tính nữ cho bà Đỗ Thị Kim S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của ông Nguyễn Văn X cho đến khi bà Đỗ Thị Kim S có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung: Bà Đỗ Thị Kim S xác nhận tự không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về nợ chung: Bà Đỗ Thị Kim S xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Kim S phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được miễn trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà Đỗ Thị Kim S đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số AA/2021/0042262 ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Đỗ Thị Kim S đã nộp đủ án phí.

7. Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Long Toàn

